

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Ng Viet Khoa *Imm* *Ng Viet Khoa* *Imm*
nnhuy *nnhuy*

Môn học : [22825106] - PLC (CCQ2205D)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: *19*...
Số bài thi: *19*...
Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Diễn	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		<i>Diễn</i>	7,0	6,4	6,6
2	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A		<i>Y</i>	7,3	6,8	7,0
3	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		<i>Thy</i>	7,5	6,9	7,1
4	2122050036	Võ Phước	Hon	16/04/2004	CCQ2205B		<i>Th</i>	6,8	7,4	7,2
5	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D					
6	2122170394	Lê Văn	Lưu	26/07/2004	CCQ2205D		<i>Y</i>	8,8	8,3	8,5
7	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D		<i>Nguyen</i>	8,0	7,4	7,6
8	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C		<i>chân</i>	6,8	6,3	6,5
9	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		<i>Quân</i>	6,5	6,1	6,3
10	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		<i>Quyên</i>	8,3	7,5	7,8
11	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D		<i>Thái</i>	6,5	8,1	7,5
12	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D		<i>Thanh</i>	9,0	8,2	8,5
13	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C		<i>Thuan</i>	6,5	5,7	6,0
14	2122170537	Phan Trần Phước	Tiến	29/08/2004	CCQ2205D		<i>F</i>	7,3	6,8	7,0
15	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		<i>Trinh</i>	7,3	5,5	6,2
16	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A		<i>Tr</i>	7,3	5,4	6,2
17	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D		<i>Th</i>	8,0	7,3	7,6
18	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A		<i>Truong</i>	7,5	5,6	6,4
19	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A					
20	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A		<i>Việt</i>	7,8	6,1	6,8
21	2122050103	Trần Anh	Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		<i>Tran</i>	8,8	7,7	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825102] - PLC (CCQ2314B)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Nguyễn Việt Khoa
MN Tuyền
Nguyễn Việt Khoa
MN Tuyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140064	Nguyễn Công Cương	01/02/2005	CCQ2314B		<i>Cương</i>	7,3	6,9	7,1
2	2123140055	Trần Quốc Đạt	06/07/2005	CCQ2314B		<i>Dat</i>	7,8	6,4	6,9
3	2123140070	Lê Hữu Minh Đức	14/12/2005	CCQ2314B					
4	2123140058	Phạm Trường Giang	29/11/2005	CCQ2314B		<i>Giang</i>	8,2	7,2	7,6
5	2123140046	Nguyễn Anh Hào	09/11/2005	CCQ2314B		<i>Hào</i>	7,3	5,3	6,1
6	2123140044	Trần Hữu Hiếu	22/04/2005	CCQ2314B		<i>Hiếu</i>			
7	2123140059	Dương Việt Khải	01/12/2005	CCQ2314B		<i>khải</i>	6,5	5,2	5,7
8	2123140045	Nguyễn Trọng Khanh	05/11/2005	CCQ2314B		<i>Khanh</i>	7,5	6,3	6,8
9	2123140052	Kiều Chiêm Quốc Khoa	02/09/2004	CCQ2314B					
10	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	31/01/2005	CCQ2314B		<i>Kiet</i>	8,3	7,0	7,5
11	2123140039	Nguyễn Duy Lê	10/07/2005	CCQ2314B		<i>Lê</i>	8,5	8,2	8,3
12	2123140063	Lê Hữu Nghĩa	30/08/2005	CCQ2314B		<i>Nghĩa</i>	9,0	8,4	8,7
13	2123140071	Trần Trung Nguyên	27/02/2005	CCQ2314B		<i>nguyên</i>	6,5	6,9	6,7
14	2123140054	Bùi Văn Như	08/09/2004	CCQ2314B		<i>Như</i>	5,8	2,1	3,6
15	2123140036	Trần Tấn Phú	09/10/2005	CCQ2314B					
16	2123140050	Hồ Nguyễn Đức Quyên	07/09/2005	CCQ2314B		<i>Quyên</i>	6,8	7,9	7,4
17	2123140053	Bá Ngọc Sơn	30/01/2005	CCQ2314B		<i>Son</i>			
18	2123140078	Nguyễn Đức Tân	07/01/2005	CCQ2314B		<i>tân</i>	7,5	7,4	7,5
19	2123140062	Nguyễn Đức Thanh	10/11/2005	CCQ2314B		<i>Thanh</i>	6,8	5,8	6,2
20	2123140056	Nguyễn Minh Thông	24/11/2005	CCQ2314B					